

Bản án số: 13/2026/HC-PT

Ngày: 24 – 7 – 2026

V/v: “*Khiếu kiện quyết định
hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Giang.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang
Ông Nguyễn Quốc Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Trâm Thị Phương Hằng – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Kim Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 07/2026/TLPT-HC ngày 02 tháng 6 năm 2026, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2026/HC-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 6 năm 2026 giữa:

- Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1957.

2. Bà Lê Thị B, sinh năm: 1959.

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Võ Hồng T, sinh năm: 1973. Địa chỉ: Ấp P, xã C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đoàn Văn B1 - Chức vụ Trưởng phòng Kinh Tế - Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ: Đường H, ấp T, xã C, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B – Là người khởi kiện trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Người khởi kiện ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B, có người đại diện theo ủy quyền ông Võ Hồng T trình bày: Ông N, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 và Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của UBND huyện C về việc giao thửa đất số 422, 423, tờ bản đồ số 70 cho ông Nguyễn Văn N và Lê Thị B tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang dựa theo giá đất Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND huyện C về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thu tiền sử dụng đất tại Khu tái định cư Đ phục vụ Khu công nghiệp S.

Lý do khởi kiện: Ngày 03/11/2022, UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang ban hành Quyết định số 5148/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, trong đó có bố trí cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B 02 nền tái định cư được thực hiện vào năm 2022, nhưng UBND huyện C không ban hành giá thu tiền sử dụng đất vào năm 2022. Đến năm 2024, UBND huyện C mới ban hành Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 về việc phê duyệt giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất đối với ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B là 4.569.000đ/1m² là chưa đúng theo Điều 66, 69, 85 Luật đất đai năm 2013 và Điều 26 Nghị định 47/2014/NĐ-CP (Dự án tái định cư được lập và phê duyệt độc lập với phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng phải có đảm bảo đất ở, nhà ở tái định cư trước khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất). Điều đó cho thấy Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ đều thể hiện rõ tại thời điểm thu hồi đất thì công tác bố trí tái định cư phải thực hiện xong. Như vậy, giá đất nền tái định cư theo quy định trên phải được thực hiện trước hoặc tại thời điểm áp giá bồi thường cho người dân bị thu hồi và theo quy định tại Điều 28 Nghị định 47/2014/NĐ-CP, khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải có nội dung về số tiền bồi thường, hỗ trợ và nội dung về tái định cư. Như vậy, trường hợp của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B, đã có Quyết định thu hồi đất năm 2022 nhưng đến năm 2025 mới ban hành Quyết định giao đất (Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 và Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 24/02/2025) là chưa phù hợp.

Tại công văn số 296/UBND, người bị kiện có ý kiến trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn N - bà Lê Thị Ba B2 ảnh hưởng dự án Khu công nghiệp S, giai đoạn 1 - tỉnh Hậu Giang (thu hồi đất phần còn lại) (Giải phóng mặt bằng Khu công nghiệp S, giai đoạn 1 (phần diện tích còn lại khoảng 46ha).

Đối với việc ban hành Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND huyện C về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính thu tiền sử dụng đất tại Khu tái định cư Đ phục vụ Khu công nghiệp S là thực hiện đúng quy định pháp luật theo Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày

05/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T1 Quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Quyết định số 1084/QĐ-UBND ngày 30/6/2023 của UBND tỉnh H về việc ủy quyền cho UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định giá đất cụ thể; Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc phê duyệt dự án Khu tái định cư Đ phục vụ Khu công nghiệp S; Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 29/9/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc điều chỉnh khoản 5, 8, 10, 11, 14 Điều 1 Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án Khu tái định cư Đ phục vụ khu công nghiệp S; Quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh H về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Khu tái định cư Đ phục vụ khu công nghiệp S. Cụ Thể:

Ngày 23/3/2022, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 249/TB-UBND về việc thông báo thu hồi thửa đất số 697, diện tích dự kiến thu hồi 368,1 m² đối với hộ ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B. Thông báo này đã được triển khai đến hộ ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B, ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B đã nghe thông qua toàn bộ nội dung Thông báo nhưng không đồng ý nhận và được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Ngày 29/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 1729/TB-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung Thông báo thu hồi đất số 249/TB-UBND ngày 23/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C điều chỉnh cụm từ: “Hộ (ông/bà): Nguyễn Văn N; Loại đất đang sử dụng: đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm” thành: “Hộ (ông/bà): Nguyễn Văn N - Lê Thị B; Loại đất đang sử dụng: đất ở tại nông thôn”. Thông báo này đã được triển khai đến hộ ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B, ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B đã nghe thông qua toàn bộ nội dung Thông báo nhưng không đồng ý nhận và được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Ngày 30/12/2022, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất số 6432/QĐ-UBND, tổng diện tích thu hồi: 315m², thửa đất số: 697 (hết thửa). Quyết định này được Ủy ban nhân dân xã Đ triển khai đến hộ Nguyễn Văn N - vợ Lê Thị B, ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B đã nghe thông qua toàn bộ nội dung Quyết định nhưng không đồng ý nhận và được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Ngày 08/5/2024, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2416/QĐ-UBND về việc điều chỉnh một số nội dung Quyết định thu hồi đất số 6432/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C điều chỉnh cụm từ: “Tổng diện tích thu hồi: 315m², thửa đất số: 697 (hết thửa), tờ bản đồ số: 05, mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn” thành “Tổng diện tích thu hồi: 325,7m², thửa đất số 697 (hết thửa), tờ bản đồ số 05 (trong đó có 165 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn và 160,7m² (diện tích dư so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm)”. Quyết định này được Ủy ban nhân dân xã Đ triển khai đến hộ Nguyễn Văn N - vợ Lê Thị B, ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B đã nghe thông qua toàn bộ nội dung Quyết định nhưng không đồng ý nhận và được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

2. Đối với việc ban hành các Quyết định giao đất cho ông Nguyễn Văn N - bà Lê Thị B: Căn cứ khoản 3 Điều 108 và điểm b khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “Điều 108. Căn cứ, thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

3. Thời điểm tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất” và Điều 114. Bảng giá đất và giá đất cụ thể: 4. Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây: b) Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất”.

Qua kiểm tra, thì tại thời điểm lấy ý kiến về việc bố trí tái định cư, Tổ bốc thăm giao nền tái định cư có triển khai vị trí bố trí tái định cư là vào Khu tái định cư Đ phục vụ Khu công nghiệp S và Quyết định số 3694/QĐ- UBND ngày 22/7/2024 của UBND huyện C ông Nguyễn Văn N - bà Lê Thị B được biết.

Ngày 22/7/2024, UBND huyện C ban hành Quyết định số 3694/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thu tiền sử dụng đất tại Khu tái định cư Đ phục vụ Khu công nghiệp S là đúng quy định tại điểm b khoản 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T1 và đúng thẩm quyền.

Đối với việc ban hành Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 20/2/2025 của UBND huyện C về việc giao thửa đất số 422 tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B và Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 về việc giao thửa đất số 423 tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B đã thực hiện theo đúng quy định.

Tuy nhiên, quá trình rà soát cơ sở pháp lý, trường hợp ông Nguyễn Văn N - bà Lê Thị Ba B2 ảnh hưởng dự án Khu công nghiệp S, thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định là năm 2022 do đó căn cứ theo quy định tại Khoản 4, Điều 254, Luật đất đai 2024 quy định:

“Điều 254. Quy định chuyển tiếp về thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất khi Luật này có hiệu lực thi hành

4. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà sau ngày Luật này có hiệu lực thi hành mới có quyết định giao đất tái định cư thì giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư được xác định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trường hợp tại thời điểm có quyết định giao đất tái định cư mà giá đất tái định cư thấp hơn giá đất trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì áp dụng giá đất tại thời điểm ban hành quyết định giao đất tái định cư.”

Hiện nay, UBND xã C đã ban hành Quyết định số 1535/QĐ- UBND ngày 09/12/2025 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thu tiền sử dụng đất tại Khu tái định cư Đ phục vụ Khu công nghiệp S. Do đó đối với Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 và Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của

UBND huyện C, UBND xã sẽ thực hiện điều chỉnh là một phần Quyết định để đảm bảo đúng theo quy định của Luật đất đai 2024.

Từ những cơ sở trên, Ủy ban nhân dân xã C sẽ thực hiện điều chỉnh lại một phần Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 20/2/2025 của UBND huyện C về việc giao thửa đất số 422 tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B và Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 về việc giao thửa đất số 423 tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang cho ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 01/2026/HC-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ đã tuyên xử:

Căn cứ: Các Điều 30, Điều 32, Điều 123; điểm h khoản 1 Điều 143, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 206, Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính 2015 sửa đổi bổ sung 2019, 2024, 2025; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Điều 69, Điều 85, Luật đất đai năm 2013;

Điều 124, 254 Luật đất đai năm 2024;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B về việc yêu cầu hủy Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 20/02/2025 và Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của UBND huyện C về việc giao thửa đất số 422, 423, tờ bản đồ số 70 cho ông Nguyễn Văn N và Lê Thị B tại ấp P, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang dựa theo giá đất Quyết định số 3694/QĐ-UBND ngày 22/7/2024 của UBND huyện C về việc phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền thu tiền sử dụng đất tại Khu tái định cư Đ phục vụ Khu công nghiệp S.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026, người khởi kiện yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết hủy quyết định 1535/QĐ-UBND ngày 09/12/2025, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người khởi kiện trình bày:

Người khởi kiện cho rằng, việc người bị kiện ban hành quyết định 1535/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 của người bị kiện là sai thẩm quyền. Đồng thời, mức giá cụ thể mà người bị kiện đưa ra là cao hơn giá của các phần đất, trong khu tái định cư khác trên địa bàn.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định về tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn N và bà Lê Thị B có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Xét về thẩm quyền ban hành quyết định:

Tại thời điểm tháng 12 năm 2025, địa phương đã hoàn thành việc chuyển đổi, tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp (không còn cấp huyện). Căn cứ vào các quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và các quy định sửa đổi, bổ sung của pháp luật đất đai phù hợp với mô hình hai cấp, thẩm quyền quyết định giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất khi giao đất tái định cư cho hộ gia đình, cá nhân đã được chuyển giao trực tiếp cho cấp cơ sở.

Do đó, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, thành phố Cần Thơ ký ban hành Quyết định 1535/QĐ-UBND ngày 09/12/2025 là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Xét về nội dung quyết định:

Căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 111 Luật Đất đai, giá đất tính tiền sử dụng đất tại nơi tái định cư phải là giá đất cụ thể được xác định tại thời điểm phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Đối chiếu với hồ sơ vụ án, phương án bồi thường của người khởi kiện đã được phê duyệt từ tháng 11/2022. Do đó, giá nền tái định cư bắt buộc phải tính theo mặt bằng giá năm 2022.

Qua kiểm tra hồ sơ thẩm định giá, chứng thư định giá và biên bản họp của Hội đồng thẩm định giá đất cấp xã, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù văn bản được ký ban hành vào ngày 09/12/2025 dưới pháp nhân hành chính mới, nhưng toàn bộ thông số, dữ liệu so sánh thị trường và phương pháp định giá được áp dụng để đưa ra mức giá đều được tính toán tại thời điểm năm 2022.

Người bị kiện đã thực hiện đúng nguyên tắc chuyển tiếp của pháp luật, không áp dụng mức giá thị trường biến động của năm 2025, đảm bảo không làm phát sinh thêm nghĩa vụ tài chính hay gây thiệt hại cho người dân do việc chậm trễ thủ tục hành chính hoặc do quá trình thay đổi mô hình tổ chức bộ máy nhà nước. Người khởi kiện cho rằng mức giá cao và yêu cầu hủy quyết định để giảm giá nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh mức giá là sai lệch hoặc cao hơn giá thị trường thực tế của năm 2022 tại khu vực đó.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác đơn khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định. Kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí phúc thẩm: Người khởi kiện được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính;
- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2026/HC-ST ngày 17 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 14 – Cần Thơ.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Người khởi kiện được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND khu vực 14 - Cần Thơ;
- VKSND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 14 - Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Giang

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA